

Số: **872** /2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **24** tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ
phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 68/TTr-KHĐT ngày 17/3/2015, Báo cáo thẩm định số 04/BCTĐ-STP ngày 12/02/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- Bộ TP (Cục KTVBQPPL);
- TTTU, TTHĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- ĐDBQH Hải Phòng;
- Như Điều 3;
- Công TTĐTTP;
- CPVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Đan Đức Hiệp

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số. 872./2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm
2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan và các chủ khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong công tác quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc do thành phố thụ hưởng từ các chương trình dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bao gồm viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của bên tài trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển và nhân đạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan và các đối tượng được tiếp nhận viện trợ theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 4 điều 1 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP là các tổ chức do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan liên quan.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định. Trong trường



hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ PCPNN

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các khoản viện trợ cụ thể như sau:

- Các khoản viện trợ PCPNN không thuộc quy định tại Điểm a của Khoản 1 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;

- Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại Tiết 2 Điểm a của Khoản 1 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;

- Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

- Các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận viện trợ là các tổ chức được nêu tại Điểm d, Điểm đ Khoản 4 Điều 1 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 93/2009/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

Điều 5. Thẩm định các khoản viện trợ PCPNN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN hoặc Thoả thuận viện trợ PCPNN cụ thể phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

3. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án theo quy định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN được lập theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010, cụ thể:

4.1. Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN đối với chương trình, dự án, phi dự án:

- Văn bản đề nghị trình phê duyệt của:

+ Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

+ Cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp Cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

- Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. Việc xác nhận hàng hóa đã qua sử dụng còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 17 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

- Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

4.2. Hồ sơ đối với khoản viện trợ PCPNN phi dự án là các phương tiện đã qua sử dụng:

Đối với các khoản viện trợ PCPNN phi dự án là các phương tiện đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định tại Khoản 4.1 Điều này, cần có thêm các văn bản sau:

- Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên tài trợ;

- Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- Văn bản giám định phương tiện vận tải còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của nước Bên tài trợ xác nhận.

Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch công chứng tiếng Việt kèm theo.

4.3. Số lượng hồ sơ để thẩm định khoản viện trợ PCPNN:

Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN được lập thành 05 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc.

5. Quy trình thẩm định khoản viện trợ PCPNN:

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định

Đánh giá tính hợp lệ của bộ hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH;

b) Bước 2: Tham vấn ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định khoản viện trợ PCPNN gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định.

c) Bước 3: Thẩm định

Trường hợp hồ sơ văn kiện dự án chưa hoàn thiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định yêu cầu Cơ quan chủ quản (đối với trường hợp các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP) hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (đối với trường hợp Chủ khoản viện trợ thuộc, trực thuộc hoặc là cấp dưới của cơ quan chủ quản quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP) bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự án và tiến hành các bước như đã nêu trên.

Nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định tiến hành thẩm định theo một trong hai quy trình sau:

- Tổng hợp ý kiến thẩm định (quy trình 1): Trường hợp khoản viện trợ PCPNN có nội dung rõ ràng, đầy đủ và không có ý kiến phản đối của các cơ quan được lấy ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định chuẩn bị Báo cáo kết quả thẩm định để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN;

- Tổ chức hội nghị thẩm định (quy trình 2): Trường hợp không áp dụng được quy trình 1, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định chỉ định chủ tọa, thư ký và tổ chức hội nghị thẩm định. Thành phần được mời dự Hội nghị thẩm định bao gồm đại diện Cơ quan chủ trì thẩm định, các đơn vị được lấy ý kiến, chủ khoản viện trợ và các đơn vị có liên quan.

Trường hợp hội nghị thẩm định kết luận thông qua hồ sơ khoản viện trợ PCPNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị báo cáo kết quả thẩm định kèm theo biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH (Phụ lục 2 và dự thảo quyết định phê duyệt nội dung khoản viện trợ theo Phụ lục 3a đối với văn kiện chương trình, dự án và Phụ lục 3b đối với viện trợ phi dự án) để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

Trường hợp hội nghị thẩm định kết luận không thông qua hồ sơ khoản viện trợ PCPNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu Cơ quan chủ quản (đối với trường hợp các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP) hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (đối với trường hợp Chủ khoản viện trợ thuộc, trực thuộc hoặc là cấp dưới của cơ quan chủ quản quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP) bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ PCPNN theo quy định và tiến hành các bước như đã nêu trên.

6. Thời gian thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN là không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;

- Thời hạn các cơ quan liên quan trả lời ý kiến tham vấn bằng văn bản: không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hành văn bản gửi góp ý kiến các cơ quan liên quan.

Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thì được xem là các cơ quan liên quan đồng ý với việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư trình hồ sơ.

8. Chế độ báo cáo và giám sát tình hình triển khai thực hiện:

8.1. Ban quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN có trách nhiệm lập báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm, chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo; các báo cáo đột xuất bằng văn bản và thư điện tử cho chủ khoản viện trợ và Sở Kế hoạch và Đầu tư, làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 27 của Quy chế quản lý và sử

dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 9 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

8.2. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm lập và gửi báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm và báo cáo kết thúc cho Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo nội dung và thời gian quy định tại Điều 27 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 10 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

8.3. Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần và theo chỉ đạo đột xuất của Ủy ban nhân dân thành phố và các Bộ, ngành Trung ương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm chính trong việc thẩm định, quản lý các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ PCPNN và tổng hợp chung tình hình sử dụng viện trợ PCPNN theo định kỳ để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan, cụ thể như sau:

1. Tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận, lập văn kiện chương trình, dự án, hồ sơ viện trợ phi dự án, triển khai chương trình, dự án và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chủ trì thẩm định theo quy trình và quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

3. Phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

4. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện việc theo dõi, đánh giá, đồng thời tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ PCPNN; kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện chương trình, dự án, viện trợ phi dự án báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và đề xuất biện pháp xử lý.

5. Tổng hợp các báo cáo về các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất, dự thảo văn bản cho Ủy ban

nhân dân thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN theo quy định tại Điều 27 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các Điều 11, Điều 12 của Thông tư 07/2010/TT-BKH.

6. Chủ trì đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối về quan hệ và vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố.

2. Lập báo cáo về tình hình vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan tham gia giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến nhà tài trợ và các khoản viện trợ PCPNN, đảm bảo tính thống nhất trong công tác lập báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ và hiệu quả hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn thành phố.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về tài chính đối với viện trợ PCPNN, có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN cần vốn đối ứng.

2. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với việc sử dụng viện trợ PCPNN.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan tham gia giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố.

Điều 9. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề đảm bảo an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quá trình vận động, đàm phán, ký kết, tiếp nhận và thực hiện viện trợ PCPNN trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Thực hiện việc quản lý nhập, xuất cảnh, cư trú, đi lại đối với người nước ngoài làm việc trong các tổ chức PCPNN tại thành phố Hải Phòng.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan tham gia thẩm định, giám sát, kiểm tra và xử lý những sai phạm trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án do các tổ chức PCPNN tài trợ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục Hải quan thành phố

Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố thực hiện các quy định về tiếp nhận các khoản viện trợ phi dự án, các hàng hoá nhập khẩu thông qua việc cung cấp viện trợ dưới dạng hiện vật, hàng hóa, vật tư, thiết bị... cho các mục đích nhân đạo, từ thiện.

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Thuế thành phố

Hướng dẫn và hỗ trợ các chủ khoản viện trợ, các tổ chức, cá nhân viện trợ PCPNN thực hiện các quy định về thuế đối với các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Hàng năm xây dựng kế hoạch, chương trình và những nhu cầu kêu gọi viện trợ PCPNN gửi về Sở Ngoại vụ trước ngày 10 tháng 11 của năm.

2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN theo đúng các quy định hiện hành.

3. Tổng hợp báo cáo định kỳ 06 tháng và cả năm và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ về các khoản viện trợ PCPNN thuộc địa bàn quản lý.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN

Xây dựng báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm, chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo; các báo cáo đột xuất bằng văn bản và thư điện tử cho chủ khoản viện trợ và Sở Kế hoạch và Đầu tư, làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 27 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 9 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ khoản viện trợ PCPNN

1. Chuẩn bị hồ sơ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án theo quy định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN, chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm ký kết chính thức Văn kiện dự án với tổ chức viện trợ và gửi Văn kiện dự án đã ký cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo.

2. Sử dụng nguồn viện trợ đúng mục tiêu theo dự án đã được phê duyệt, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tiếp nhận, sử dụng và quản lý tài chính.

3. Xây dựng và gửi báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm, các báo cáo đột xuất và báo cáo kết thúc cho Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo nội dung và thời gian quy định tại Điều 27 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 10 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 17. Xử phạt vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan thì theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị đình chỉ thực hiện để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem

xét, quyết định xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo:

- Vi phạm chế độ báo cáo không thường xuyên: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản yêu cầu cơ quan vi phạm chế độ báo cáo giải trình nguyên nhân vi phạm và cam kết thực hiện những biện pháp khắc phục;

- Vi phạm chế độ báo cáo có hệ thống, kéo dài: Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong những trường hợp này và đề xuất biện pháp xử lý thích hợp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế này; tham mưu, đề xuất, giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; giúp Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Khóa 14 và Quy định này phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cấp dưới tổ chức thực hiện Quy chế này; kịp thời thông báo về Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung chưa phù hợp hoặc các vấn đề mới phát sinh để thống nhất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Đan Đức Hiệp